

Nét văn hóa Nam bộ trong “Bửu Sơn Kỳ Hương” của Lý Lan

Trần Ngọc Ánh*

Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Tiển

Email: tnanh368@gmail.com

Ngày nhận bài: 11/4/2023; Ngày sửa bài: 23/6/2023; Ngày duyệt đăng: 30/6/2023

Tóm tắt

Tiểu thuyết *Bửu Sơn Kỳ Hương* của Lý Lan là một trong những tác phẩm văn học nổi bật về văn hóa Nam Bộ. Với việc phân tích tiểu thuyết này dưới góc nhìn văn hóa, bài viết đi tìm hiểu một số nét văn hóa Nam Bộ được biểu hiện qua cách ứng xử của chủ thể văn hóa Nam Bộ, đặt trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội với đời sống văn hóa tinh thần truyền thống và Minh Tân. Qua đó, giúp tái hiện lại một số đặc điểm văn hóa Nam Bộ đặt trong bối cảnh đất nước thế kỷ XIX.

Từ khóa: văn hóa Nam Bộ, *Bửu Sơn Kỳ Hương*, Lý Lan

Southern culture featured in “Buu Son Ky Huong” of Ly Lan

Tran Ngoc Anh*

Nguyen Huu Tien High School

Correspondence: tnanh368@gmail.com

Received: 11/04/2023; Revised: 23/6/2023; Accepted: 30/6/2023

Abstract

Ly Lan's novel *Buu Son Ky Huong* is one of the outstanding literary works about Southern culture. Analyzing this novel from a cultural perspective, the article explores some Southern cultural features expressed through the application of Southern cultural subjects in relation to the natural environment, the social environment with tradition and the Minh Tan (a modernization movement in Southern of Vietnam in 1900s). Thereby, it helps to recreate some cultural characteristics of the South as it was set the context of the country in the 19th century.

Keywords: Southern culture, *Buu Son Ky Huong*, Ly Lan

1. Mở đầu

Văn hóa không chỉ là môi trường nuôi dưỡng tác phẩm văn học, ảnh hưởng trực tiếp đến người sáng tác mà nó còn tác động sâu sắc đến nhận thức của người tiếp nhận. Người tiếp nhận văn học muốn thâm thấu được một tác phẩm văn học, họ phải sử

dụng nền văn hóa mà mình đang có và hòa nhập bản thân vào nền văn hóa của tác phẩm. Như vậy, văn hóa định hình nội dung, phương thức biểu đạt của người sáng tác trong tác phẩm, tạo ra môi trường tồn tại của tác phẩm và cuối cùng nó chi phối đến việc tiếp nhận tác phẩm. Mối quan hệ người

* Học viên cao học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

* Graduate student, Ho Chi Minh University of Education

sáng tác - tác phẩm - người tiếp nhận đều tồn tại trong môi trường văn hóa. Dựa trên môi trường tạo tác và nuôi dưỡng mối quan hệ trên, những nhà nghiên cứu văn học đã chọn hướng tiếp cận nghiên cứu từ chính cái khởi nguyên của tác phẩm: văn hóa.

Văn học và văn hóa có mối liên hệ mật thiết nên việc nghiên cứu văn học từ góc nhìn văn hóa là một hướng đi hoàn toàn hợp lý, đem lại hiệu quả cao. Cách nghiên cứu này giúp cho người nghiên cứu lý giải được những dấu hiệu, biểu hiện, mã văn hóa trong tác phẩm. Đồng thời, nó còn giúp cho việc nghiên cứu những xu hướng sáng tác của tác giả, hướng tiếp nhận của người đọc và sự tồn tại, phát triển của cả một nền văn học.

Văn hóa phản ánh quan niệm của con người về các giá trị, thể hiện cách hiểu của con người về các đối tượng và sự kiện xung quanh có liên quan đến bản thân. Các quan niệm, giá trị này chỉ có thể xuất hiện trong hoạt động, tư tưởng, trong các mối quan hệ cụ thể của con người: con người với thiên nhiên; con người với xã hội; con người với chính bản thân mình. Tiếp cận văn hóa đối với văn học là phương pháp tiếp cận nội dung văn học thể hiện qua các mối quan hệ đó (Trần Nho Thìn, 2017: 30).

Ngược dòng thời gian về thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX của dân tộc, đây là giai đoạn lịch sử đầy biến động trong những năm tháng thực dân Pháp đặt ách đô hộ, thời kỳ mà văn hóa dân tộc có những thay đổi mạnh mẽ. Thực dân Pháp thực hiện hàng loạt chính sách nô dịch về văn hóa nhằm xóa bỏ văn hóa bản địa, đồng hóa bằng văn hóa Pháp, biến Việt Nam thành thuộc địa hoàn toàn thuộc quyền Pháp. Với chính sách chia để trị, Pháp chia nước ta thành ba xứ, mỗi xứ thực hiện theo chính sách cai trị riêng:

Bắc Kỳ và Trung Kỳ là hai xứ bảo hộ vẫn còn chính quyền phong kiến về hình thức; Nam Kỳ là xứ hoàn toàn thuộc Pháp. Có thể nói con người nơi mảnh đất Nam Bộ chịu ảnh hưởng vô cùng sâu sắc bởi những chính sách cai trị của chế độ thực dân Pháp.

Nam Bộ là vùng đất được khai phá sau cùng của nước ta. Nơi đây từ những buổi đầu khai hoang không chỉ mang màu sắc văn hóa của cư dân người Việt di cư xuống phía Nam mà còn có sự giao thoa văn hóa Hoa, Khmer, Chăm, ... từ những người Hoa bỏ xứ và người dân tộc thiểu số bản địa. Một vùng đất đặc biệt với đa màu sắc văn hóa. Đặt trong bối cảnh lịch sử đất nước chịu sự đô hộ của thực dân Pháp, chủ thể văn hóa Nam Bộ lúc ấy vừa có sự phát huy văn hóa của mình lại vừa có sự tiếp biến văn hóa phương Tây theo cả hai cách thụ động và chủ động.

Tiểu thuyết *Bỉu Sơn Kỳ Hương* của Lý Lan là một tác phẩm giàu chất điện ảnh, như thước phim mô phỏng, tái hiện lại khá nhiều nét văn hóa Nam Bộ trong thế kỷ XIX lịch sử của dân tộc. Nhân vật trong tiểu thuyết của Lý Lan đã thể hiện rõ một số biểu hiện tiêu biểu cho chủ thể văn hóa Nam Bộ trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên, và môi trường xã hội, đặc biệt là đời sống tinh thần vừa đậm đà truyền thống vừa có điểm mới lạ dưới sự ảnh hưởng của phong trào Minh Tân. Lật từng trang tiểu thuyết, người đọc như được lạc vào nơi thiên nhiên hùng vĩ nhưng cũng đầy hiểm nguy, chốn làng quê sông nước với những chiếc ghe mộc mạc; được chiêm ngưỡng những con người với lối sống trọng nghĩa, hào hiệp; được nhìn lại cả một quá trình lưu giữ và tiếp biến của văn hóa dân tộc nói chung và Nam Bộ nói riêng.

2. Một số nét văn hóa Nam Bộ qua tiểu thuyết *Bửu Sơn Kỳ Hương* của Lý Lan

2.1. Chủ thể văn hóa Nam Bộ trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên

2.1.1. Văn hóa ứng xử với nước

Một trong những đặc điểm địa lý nổi bật của mảnh đất Nam Bộ đó là vùng đất với nhiều sông ngòi, kênh rạch. Sông nước, kênh rạch tạo thành hệ thống chằng chịt, bám chặt vào mọi ngõ của cả vùng. Nó quy định nếp sống, nhịp điệu làm ăn, đi đâu, làm gì của người dân nơi đây (Ngô Đức Thịnh, 2009: 312). Bởi vậy mà từ lâu, hình ảnh những con sông đã gắn liền với đời sống con người nơi đây ngay từ những ngày đầu khai hoang vùng đất này. Sông nước không chỉ là đường di chuyển mà còn là nơi sinh sống, buôn bán, thậm chí còn là ngôi nhà trên nước của rất nhiều cư dân Nam Bộ.

Đứng trước môi trường tự nhiên sông nước, chủ thể văn hóa Nam Bộ vừa có sự tận dụng, vừa có sự đối phó với nó. Cư dân nơi đây đã biết tận dụng nước để vừa là nơi tìm kiếm nguồn thức ăn tự nhiên, vừa là đường di chuyển phù hợp với địa hình, tiết kiệm chi phí với những chiếc ghe, xuồng tự đóng. Từ đó, nếp sống tìm nơi cư trú cạnh sông đã trở thành ưu tiên hàng đầu của cư dân Nam Bộ trong những ngày khai phá miền đất này. Trong tiểu thuyết *Bửu Sơn Kỳ Hương*, Lý Lan đã tái hiện rõ nét văn hóa ấy. Cạnh bến An Châu là làng quê ven sông với cuộc sống sinh hoạt của con người chôn sông nước. Ngôi làng nơi bến sông hiện ra với vẻ đẹp đặc trưng của miền quê sông nước Nam Bộ “*Phía bến An Châu dòng nước đặc quánh phù sa miệt mài chảy về chân trời bàng bạc mây tím. Một vầng trăng từ từ nhú ra khỏi mặt nước rồi trong chớp mắt vọt lên khỏi mặt sông như thể quả trứng*

tròn vành vạnh sáng như gương ấy vừa được sông để ra, quăng lên không trung” [1]. Hầu hết những di chuyển của chủ thể văn hóa được mô tả trong tiểu thuyết đều gắn với phương tiện di chuyển trên sông ngòi. Đó là chiếc xuồng ba lá tự đóng của anh Bình trên những ngày rong ruổi tìm chôn vè, của vợ chồng ông bà Tư trong những năm tháng nương tựa nhau và cuu mang mẹ con chị Hai. Hình ảnh chiếc xuồng, chiếc ghe của vô số những nhân vật vô danh đến hữu danh trong tiểu thuyết xuất hiện dày đặc. Có lẽ nhân vật nào trong tiểu thuyết này cũng đã từng được Lý Lan cho xuất hiện trên những con thuyền, chiếc ghe. Mỗi dòng sông, con nước đều gắn bó với từng quãng đời của mỗi người dân Nam Bộ. Bến nước An Châu là nơi chị Hai gặp anh Bình. Cũng từ dòng nước, hai người cùng Phật Thầy bị mắc cạn trên cồn hoang, bắt cá hái rau dại sống qua ngày. Nơi cồn hoang ấy, thiên nhiên Nam Bộ tuy hoang sơ nhiều bí ẩn nhưng vẫn rất đổi hào phóng, dang rộng vòng tay ôm ấp họ “*Ở đây trắng sao một trời, tôm cá cả sông, chị ăn và ngủ ngon lành, không sợ hãi, không bận tâm gì cả... Anh không còn bồn chồn trông ngóng đò ghe nữa, ban ngày đã chịu khó theo chị đi sâu vô chòm cây để hái trái và bẻ củi*” [2]. Vào một ngày mưa lũ, chị hạ sinh đứa con của chị và anh Bình “*Một tay vẫn ghì chặt cành cây, chị luồn tay kia xuống giữa háng đỡ đầu đứa bé nhưng nó trơn nhớt tuột khỏi tay chị rơi xuống nước... Chị Hai ngã xuống, đứng lên, ngã xuống, tay ôm đứa con chưa lia cuống nhau, ngã xuống, gắng gượng đứng lên, ngã xuống, gắng gượng nhưng không đứng lên được nữa*” [3]. Thằng bé lọt lòng mẹ đã bị nước cuốn, cái tên “Hà Bá Chừa” cũng là từ việc sống sót

qua dòng nước lớn mà có.

Thiên nhiên Nam Bộ có lúc hiền hòa, nhưng cũng có khi giận dữ, đó là mùa nước lũ dâng “*Nước dâng ngàn ngút, chỉ chốc lát không còn phân biệt bờ bãi, cù lao gì nữa. Nước chảy cuộn cuộn, ráo riết búng gốc cây lớn cây nhỏ, lôi theo cả vách lá, mái tranh, và những khúc cây, mảnh ván tả tơi*” [4]. Sông nước Nam Bộ có chế độ nước theo mùa, mùa nước lũ dâng đòi hỏi con người Nam Bộ phải tìm cách ứng phó. Và cách dựng nhà kiểu nhà trại, nhà đá, nhà đập là một trong những cách ứng phó phổ biến. Nhà trại ở đây là lán trại, nhà chòi, nhà tranh, nhiều khi không đủ vách, dựng lên để làm chỗ ở tạm. Nhà đá, nhà đập là loại nhà mang tính tạm bợ, dựng lên cốt chỉ để che nắng, che mưa, hầu hết không có cửa, chỉ có chừa một khoảng trống để chui ra, chui vào. Khi không cần dùng nữa, người ta có thể đá, đập đổ nó một cách dễ dàng, di chuyển đến nơi khác (Trần Ngọc Thêm, 2014: 397). Nước lũ có dâng lên, cuốn trôi nhà cửa thì cư dân nơi đây cũng sẽ tránh nhiều tổn thất, có thể dễ dàng dựng lại nhà cửa với kiểu nhà như vậy. Trong tiểu thuyết, nhân vật Bình sau khi dẫn cai đội Tuấn - con rể ông Hòa tới nơi anh đã chôn cất ông Hòa xong, được trả tiền công, Bình muốn bỏ đi nơi khác để sinh sống “*Anh kiếm chỗ vắng dựng một cái chòi, mua cây mua đồ nghề, làm lũi một mình đóng một chiếc ghe... Ghe đóng xong, anh đã sập cái chòi, chèo ghe đi. Xứ này sông rạch mênh mông, có chiếc ghe thì chèo đi đâu chẳng được*” [5]. Để rồi sau này, chính chị Hai - người đang trên hành trình tìm lại anh Bình đã vô tình tìm đến cái chòi anh từng đã sập và ở tạm vài ngày nghỉ chân rồi tiếp tục đi tìm Bình. Chị Hai từng lên đênh trên thuyền cùng ông bà Tư nhiều năm tháng, nhìn chiếc

chòi sập chị hiểu ngay “*Một cái chòi còn đứng, dù xập xệ, cửa nẻo toang hoác, vẫn là cái nhà của ai đó... Đá vùi cái vô mấy cây cột cho nhà sập, nhưng không dỡ đi mái lá cửa nẻo, là để cho người khác dùng lại vật liệu, dựng lại thành nhà của họ*” [6]. Chỉ với vài nét phác họa, Lý Lan đã tái hiện đầy đủ lối sống ứng phó trước thiên nhiên sông nước của chủ thể văn hóa Nam Bộ: cái chòi dựng tạm, đá chân một cái là sập cùng chiếc ghe có thể di chuyển khắp nơi ở xứ sông rạch chằng chịt; người sau có thể tái sử dụng vật liệu từ cái chòi đá sập của người trước một cách dễ dàng.

Cuộc sống con người nơi đây gắn với sông nước nên từ lâu, sông nước không chỉ là yếu tố thuộc về tự nhiên mà nó còn trở thành biểu tượng của sự chảy trôi của kiếp người. Lý Lan đã rất khéo léo khi tạo dựng mối liên hệ về tình yêu giữa anh Bình, chị Hai xoay quanh những dòng nước mát lành. Từ những dòng nước chảy khắp nơi trên mảnh đất Nam Bộ này, chị Hai và anh Bình gặp nhau, gắn kết rồi lại lạc nhau, bỏ lỡ nhau “*Dòng sông tuôn chảy không ngừng, mọi thứ biến đổi liên tục, có khi mới thấy trước mắt đó, chỉ trong gang tấc đó, mà rồi lạc nhau trong tích tắc... Bà Tư đổ đành là đã thấy rồi, biết còn sống đó là được rồi. Nước mắt chị Hai lại trào ra. Phải, còn sống là được. Biết người ta còn sống, dù ở đâu đó, dù mình tìm chưa gặp, vẫn còn niềm hi vọng. Còn hơn khi thấy chỉ mỗi mình ên tro trôi giữa thế gian*” [7]. Đời người như dòng nước chảy, hợp rồi tan, gặp gỡ rồi chia ly. Con người không thể nắm giữ được nước, cũng như không thể nắm được sự sắp đặt của tạo hóa, hãy cứ để mọi việc chảy trôi, theo lẽ tự nhiên. Lần nữa, lại là dòng nước thức tỉnh tâm trí chị, rằng anh Bình

luôn tồn tại mãi trong tâm trí chị, dù trải qua bao thời gian. Long nói với mẹ “*còn phải tiếp tục đi về An Châu để gặp lại cha. Ủ ha. Chị Hai đứng lên. Giờ thì chị biết cái gì khiến chị nhìn ra sông thấy buồn buồn nhớ nhớ. Bình. Bình ơi*” [8]. Dòng nước vẫn còn đó, đưa đời người xuôi ngược, cuối cùng tìm về lại với nhau. Để đến khi con trai chị Hai trưởng thành, chị Hai giờ đã là bà Hai, chị mới có dịp tái ngộ lại anh Bình “*Chỗ chị Hai ngồi nhìn xuống thấy những mảnh ruộng đang chín vàng rộm trong thung lũng, con suối tích nước từ các vồ chung quanh chảy ra một con sông nhỏ uốn lượn quanh co qua cánh đồng*” [9]. Vẫn là hình ảnh dòng nước xuất hiện trong giây phút đoàn tụ cuối cùng này, dòng nước như biểu tượng gắn kết chị Hai - anh Bình - Long, con trai của hai người.

Như vậy, dòng nước không chỉ làm nên một thế giới tự nhiên đặc trưng địa lý vùng Nam Bộ mà nó còn trở thành một phần không thể thiếu của đời sống vật chất cũng như tinh thần của người dân nơi đây. Tiểu thuyết *Bừu Sơn Kỳ Hương* đã khai thác văn hóa ứng xử của chủ thể văn hóa Nam Bộ với nước mà ở đó, nước vừa là đối tượng để cư dân Nam Bộ ứng phó vừa là đối tượng tận dụng để khai thác, phục vụ đời sống con người. Không chỉ thế, nước còn là biểu tượng trong thế giới văn chương nghệ thuật, gọi sự chảy trôi của kiếp người, gọi sự hòa quyện, gắn kết của tình yêu.

2.1.2. Văn hóa ứng xử với động vật

Chủ thể văn hóa muốn sinh sống, tồn tại một cách tốt nhất thì phải biết hòa hợp, tận dụng tốt môi trường tự nhiên quanh mình. Thế giới động vật vô cùng đa dạng và phong phú nhưng để kể đến những loài vật tiêu biểu cho mảnh đất Nam Bộ từ những ngày con

người ta còn chưa khẩn hoang đến thì chỉ có một vài giống loài: cọp, cá sấu, đỉa, muỗi, ... Trong tiểu thuyết *Bừu Sơn Kỳ Hương*, tác giả đã đề cập đến mối quan hệ của chủ thể văn hóa Nam Bộ với loài hổ (cọp).

Những ngày đầu khi con người đặt chân đến nơi đây còn thưa thớt, thú hoang làm thức ăn cho cọp nhiều nên người và cọp ít khi chạm mặt nhau, hai bên chung sống “hòa bình”. Ca dao cũng đã từng phản ánh “*Cọp rừng Sác moi ốc bắt cua/ Cọp rừng thưa săn rùa rượt thỏ/ Cọp đồng cỏ đuổi chó rình chim/ Cọp rừng sim ăn ong hút mật*”. Thời gian sau, khi con người đông dần lên, làng áp mọc lên nhiều hơn, chiếm mất môi trường sinh sống và thức ăn của cọp, cọp mới phải mò đến nơi con người sinh sống và bắt vật nuôi, thậm chí tấn công con người. Trong văn hóa đối phó với cọp, cách mà chủ thể văn hóa Nam Bộ sử dụng đơn giản nhất đó là tránh gặp mặt, hạn chế tối đa việc tiến đến gần những nơi rừng sâu nơi cọp sinh sống. Hoặc chủ động hơn, con người có thể dùng mẹo để bẫy cọp, dùng sức để đánh cọp (Trần Ngọc Thêm, 2014: 485, 486). Trong văn hóa ứng xử với cọp, chủ thể văn hóa Nam Bộ từ chỗ đối phó có thể tận dụng cọp qua việc bắt cọp để sử dụng bộ da của nó. Trong tiểu thuyết, chi tiết về bộ da cọp xuất hiện ngay từ những trang đầu, trong hành trình vào rừng tìm thuốc quý của nhân vật ông Hòa “*Đây là một bộ da cọp được lột khéo léo gần như nguyên vẹn, giữ cả đầu, được ngâm tẩm bằng dầu nhựa cây cỏ và được giữ gìn cẩn thận... Đương nhiên là một lâm sản quý... Cái này trị giá mấy thỏi vàng chứ có phải một miếng bạc mỏng đâu mà có thể bám bụng bỏ đi*” [10]. Ông Hòa không ngại vất vả, vác bộ da cọp xuống núi, tìm đến ông

chủ tiệm thuốc Phước Xuân Đường giàu có để bán lại bộ da cạp quý này. Thú suu tầm các sản vật quý từ thiên nhiên là thú chơi của giới nhà giàu bấy giờ. Bởi chỉ có người giàu có mới có tiền để nuôi thú chơi này và cũng chỉ có những người sành đồ quý hiếm mới có sự am hiểu nhất định để thẩm định giá trị của những sản vật này.

Từ chỗ sợ hãi, đối phó cạp, văn hóa sùng bái cạp cũng ra đời. Trong các loài động vật nơi đây, con người sùng bái cạp ở mức độ cao nhất. Người dân nơi đây thường tôn cạp là Ông Cả Cạp, Ông Hồ và rất nhiều địa danh được đặt tên gắn với Cạp/ Hồ. Nhiều chùa thiết kế theo nguyên lý ngũ hành, trong khi bốn vị Bồ Tát cưỡi voi và các con linh thú thần thoại thì riêng Đức Phật ở trung tâm, vị trí quan trọng nhất cưỡi cạp. Điều đó có nghĩa là con cạp vô cùng quen thuộc và được tôn sùng, dù có gây hại cho con người nhưng vẫn quan trọng hơn bất kỳ con linh thú nào (Trần Ngọc Thêm, 2014: 491). Trong *Bừu Sơn Kỳ Hương*, ông Hòa là dân chuyên đi vào rừng sâu, lên núi cao tìm thuốc quý. Bởi vậy mà ông luôn phải cảnh giác và vô cùng cẩn thận trong mỗi bước đi vào những nơi nguy hiểm như vậy. Ông làm công việc này đã từ lâu lắm rồi, đặc biệt là luôn đi một mình. Tính mạng cũng đã từng bị đe dọa vô số lần, nhưng ông vẫn giữ được cái mạng của mình. Ông cũng từng gặp những chuyện thần bí khó giải thích. Nhưng với ông, ông luôn cho rằng mình được chở che bởi Thần Núi và vị thần ấy luôn hiện ra trước mắt ông với dáng hình của cạp “*Ông không bao giờ kể với ai, kể cả vợ con, chuyện cạp mà ông tin chắc chắn là hiện thân của Thần Núi, đã cứu mình, hay tha mình*” [11]. Nhờ lòng thành mỗi lần lên núi, ông đều để lại ở những nơi ông cho

rằng mình từng gặp hiện thân của Thần Núi một miếng bạc mỏng, ông thấy bản thân được Thần phù hộ ông mua bán thuận lợi, đi về yên ổn, không quá giàu nhưng gia cảnh nhà đủ đầy. Ông Hòa tuyệt đối tin và sùng bái vị Thần Núi với hiện thân mang dáng vẻ của cạp.

Chọn cạp là động vật để thể hiện văn hóa ứng xử của chủ thể văn hóa Nam Bộ, Lý Lan đã thể hiện được cuộc sống gắn liền với thiên nhiên hoang dã của cư dân xứ này. Trong giai đoạn từ đầu khẩn hoang, thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, cạp là động vật vô cùng quen thuộc đối với người dân Nam Bộ. Với chủ thể văn hóa Nam Bộ, cạp vừa là động vật hoang dã nguy hiểm nhưng cũng là thử thách để chinh phục, để thu lợi từ bộ da của nó. Cạp mang cái uy nghiêm của rừng núi, người đánh thắng được cạp hẳn là người tài nghệ xuất chúng. Chính vì vậy, cạp trở thành biểu tượng của sức mạnh, của tâm linh trong văn hóa của người Nam Bộ.

2.2. Chủ thể văn hóa Nam Bộ trong mối quan hệ với môi trường xã hội

2.2.1. Văn hóa yêu quê hương đất nước và con người

Chủ thể văn hóa Nam Bộ vốn là những người khai phá đất mới. Họ là những người coi nghĩa khí làm đầu, kết bạn bè huynh đệ giữa những người có nghĩa khí. Họ cư xử hào hiệp, trọng nghĩa khí, coi khinh tiền tài, có thể vì nghĩa khí mà xả thân mình (Ngô Đức Thịnh, 2009: 340, 341). Con người Nam Bộ với tấm lòng hào sảng, nghĩa hiệp từ lâu đã ghi dấu ấn trong mắt của những người dân phương khác. Trong cách hành xử, họ càng thể hiện rõ nét bản chất con người đáng mến ấy.

Trong *Bừu Sơn Kỳ Hương*, con người hành động trọng nghĩa thể hiện qua tấm

lòng yêu nước của những vị quan, những người dân dũng cảm đứng lên khởi nghĩa. Đó là một Nguyễn Tri Phương hết lòng phò vua vì nước. Đó là một Trương Công Định dám lãnh đạo nghĩa quân đứng lên khởi nghĩa chống lại lực lượng hùng hậu của thực dân Pháp. Đó còn là một Phan Thanh Giản thanh liêm, vì người dân, vì nghĩa lớn. Hay một quan Kinh lược “*vẫn tin là có mình quân tôi hiền thì dân chúng được yên vui. Vua đã tỏ rõ khao khát làm mình quân, ông cũng muốn làm tôi hiền... Và niềm tin Nho giáo của ông là người sống một lòng vì dân vì nước thì không hổ thẹn với đất trời*” [12]. Tuy lúc này nhà Nguyễn đã bắt đầu đi đến dốc suy yếu, nhà nước phong kiến không còn hùng mạnh nhưng những kẻ sĩ hết lòng vì dân vì nước vẫn luôn còn đó, vẫn xả thân vì nghĩa lớn không màng tính mạng. Họ xứng đáng trở thành biểu tượng cho tấm lòng trung quân ái quốc.

Không chỉ vậy, những người “lính quèn” như Cai đội Tuấn, con rể ông Hòa, “*hồn nhiên xác nhận gốc gác của mình: anh đang đào nương để lập vườn quanh nhà thì giặc nổi lên chiếm thành Biên Hòa. Quan Tuấn phủ lui vô đồng chiêu binh đánh giặc, Tuấn dẹp cuộc đầu quân. Chiếm lại được Biên Hòa, Tuấn được thăng dần lên Cai đội*” [13]. Đời Cai đội Tuấn không chỉ cống hiến theo triều đình khi còn sức trẻ, đến khi về già, Cai đội Tuấn cũng vẫn là người đứng lên tập hợp người dân chống trả lại sự đàn áp của kẻ thù. Con trai cả của ông đã hy sinh trong đám nghĩa quân ngay trước mặt ông. Nỗi đau mất con hòa cùng nỗi đau quê hương bị giặc tàn phá đã tô đậm thêm vẻ đẹp nhân cách của nhân vật này. Từ một người con rể ít nói, chỉ thạo làm vườn trong mắt ông Hòa, giờ đây, cai đội Tuấn là người

mang vẻ đẹp chân chất cùng tấm lòng nghĩa hiệp, xả thân quên mình vì nghĩa lớn. Càng về cuối tiểu thuyết, vẻ đẹp nghĩa hiệp của con người Nam Bộ càng hiện ra rõ rệt. Họ có thể được tác giả đặt tên như Cai đội Tuấn hoặc chỉ được gọi bằng những danh từ chung như “đám trai làng” nhưng họ đều có điểm chung là cùng ngời sáng vẻ đẹp nhân cách kiên cường, dũng cảm, dám xả thân, sống nghĩa hiệp.

Chủ thể văn hóa Nam Bộ không chỉ sống hào sảng, nghĩa hiệp mà còn sống đề cao nhân nghĩa. Họ đối xử với nhau bằng một tình cảm đơn giản nhưng vô cùng nhân ái, sống trong tình tương thân, tương ái, cởi mở cu rư mang dù xa lạ. Chị Hai vốn bị người đời gọi là người đàn bà điên “*nhìn chị như một con khùng ăn ngủ vất vưởng ở bến An Châu, nói năng ám ớ mà tài lanh chỉ trở lung tung*” [14]. Nhưng người phụ nữ bị coi là dở hơi ấy lại là người có tấm lòng nhân ái. Từ chỗ hai người xa lạ, chị trở thành nơi nương tựa của anh Bình trong những ngày mà hai người cùng Phật Thầy mắc cạn nơi cồn hoang. Sau đó, hai người lạc nhau khi chị Hai vừa hạ sinh đứa con thì bị sóng lớn cuốn đi. Người đàn bà điên ấy nuôi con với tình mẫu tử cao quý, ngày đêm trông ngóng chờ tin tức anh Bình. Rồi đến khi gặp lại, ngỡ được bên nhau, một lần nữa, anh Bình lại ra đi. Người phụ nữ ấy kiên định một lòng chờ, cho đến khi biết chuyện anh Bình có đứa con với chị bán khoai ở chợ ven sông nọ, lúc gặp lại ấy, chị không nhìn, nhưng vẫn dặn anh về lại về mẹ con chị bán khoai, rồi lặng lẽ rời đi. Tưởng rằng chị Hai sẽ sống với sự uất hận anh Bình, nhưng người phụ nữ ấy đến cuối tiểu thuyết, khi đã là một bà lão, tấm lòng thủy chung vẫn vẹn nguyên khi nghe con trai nói về An Châu tìm cha,

người phụ nữ ấy vội đi ngay. Theo chỉ dẫn của người dân, hai mẹ con tìm đến ngọn núi, nơi người ta thấy ông Bình lên núi lâu rồi mà chưa về. Bà Hai vội vã cùng con trai men theo đường lên núi, giây phút ấy, bao kí ức từ thời son trẻ, bao quãng đời chờ đợi, tìm kiếm như dội về liên tục trong tâm trí bà Hai “*Bình vẫn ngồi im với đôi chân xếp bằng. Một dòng kiến bò từ dưới đất lên tận mắt mũi miệng Bình. Chúng lằng xằng chạy ra chạy vô cái miệng đang há ra không mấp máy... Cái cảm nhận đó chưa đủ thực thì đã vỡ như bọt nước*” [15]. Tiếc rằng lần tái ngộ này không phải đoàn tụ. Ông Bình giờ đây là cái xác không hồn, với bầy kiến bò ra từ hốc mắt trống không.

Mẹ con chị Hai còn sống sót qua cơn sóng lớn cũng nhờ vào vợ chồng ông bà Tư cứu vớt, cứu mang. Ông bà Tư là cặp vợ chồng nông dân nghèo, sống nương tựa vào nhau bằng những con cá phơi khô đem chợ bán. Vợ chồng ông Tư bắt gặp mẹ con chị Hai trôi dạt trong một lần đi sông. Ông bà đã cứu mẹ con chị, coi họ như con gái, cháu trai của mình, hết lòng yêu thương. Ông bà giúp chị Hai nuôi thành con từ khi nó lọt lòng, cho đến tuổi đi học, lo cho nó ăn học, đến khi thành một cậu thanh niên hiểu chuyện. Tình cảm giữa ông bà Tư dành cho nhau cũng không khỏi khiến người đọc cảm động về nghĩa tình vợ chồng hàng chục năm gắn bó. Khi ông Tư biết mình bệnh nặng, sẽ ra đi trước, ông căn dặn bà đủ điều “*Bà Tư từng nói là nếu Chúa rước bà về trước thì bà sẽ đứng đợi ở cửa Thiên đàng đến khi nào ông lên tới nơi mới cùng ông bước vào*” [16]. Ông Tư không theo đạo, nên ông không tin vào một cõi khác nơi ông vẫn đang sống, ông âm ừ cho bà yên tâm. Nhưng khi cảm nhận được cái chết sắp đến,

ông Tư đã xin bà cho theo đạo của bà. Trong cơn đau cơ thể đang hành hạ, ông cố nhin đầu để trải qua các nghi lễ “*Bây giờ thì ông biết mình có thể thanh thân lìa bỏ thân xác đang hư hoại này, vì ít nhất đã làm được một việc lớn trong đời: làm yên lòng người mình yêu thương*” [17]. Giây phút cuối đời, ông Tư vẫn chỉ nghĩ đến vợ mình. Ông xin theo đạo của bà chính là để nhắn bà rằng, ông sẽ lên đứng đợi ở cửa Thiên đàng, đợi bà ở đó, bao lâu cũng đợi, để cùng bước qua cánh cổng, cùng nhau đi tiếp hành trình dù là ở cõi nào.

Con người Nam Bộ luôn ngời sáng lên vẻ đẹp của nhân cách hào sảng, nghĩa hiệp và tấm lòng nhân ái, hồn hậu. Lý Lan đã khắc họa thành công chủ thể văn hóa Nam Bộ trong mối quan hệ ứng xử với đồng loại, cộng đồng. Đặc biệt, những nét đẹp văn hóa ứng xử đó không chỉ thể hiện hồn cốt Nam Bộ mà còn làm cho hình tượng nhân vật trong các sáng tác của Lý Lan đậm đà bản sắc con người Việt Nam nói chung.

2.2.2. Văn hóa đời sống tinh thần truyền thống

Ngay từ nhan đề, tiểu thuyết của Lý Lan đã mang màu sắc tâm linh tôn giáo đậm nét. *Bửu Sơn Kỳ Hương* lấy tên từ một đạo ở một số tỉnh Nam Bộ nước ta. Bửu Sơn Kỳ Hương hay còn gọi là đạo Lành, ra đời ở tỉnh An Giang nước ta từ năm 1849. Dưới những biến đổi của lịch sử, xã hội, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương vẫn chiếm vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân An Giang và lan rộng ra các tỉnh miền Nam.

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương do Đoàn Minh Huyền (1807-1856) sáng lập. Ông vốn tên Đoàn Văn Huyền, quê ở Sa Đéc, nay là tỉnh Đồng Tháp. Trong các năm 1849-1850, các tỉnh Nam Bộ xảy ra mất mùa và đại dịch kéo

dài, khiến cho người dân rơi vào tình cảnh đói khổ, chết chóc. Trong hoàn cảnh ấy, Đoàn Minh Huyền đến vùng nay là xã Long Giang, huyện Chợ Mới (An Giang) chữa bệnh cho dân. Ông đã chữa trị bệnh cho người dân, cứu sống được nhiều người. Từ việc chữa trị bệnh, Phật Thầy còn răn dạy những người bệnh và người thân của họ những điều hay lẽ phải ở đời. Ngay trong năm 1949, những người tin ông ngày một nhiều, nguyện đi theo ông để tu hành theo nên ông đã sáng lập ra đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Tên đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có ý hứa hẹn một kỷ nguyên mới của Phật giáo. “Bửu Hương” (núi báu) chỉ sự rạng rỡ của non sông, “Kỳ Hương” (hương thơm lạ) là sự lan tỏa khắp mười phương. Núi báu và hương thơm lạ chính là dấu hiệu hoan hỷ của ngày hội Long Hoa tận thế trong đạo Phật (Trần Ngọc Thêm, 2014: 230, 231).

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương đã ra đời từ công cuộc di dân, khai khẩn đất hoang của những người lưu dân về phía Nam trong những ngày đầu mở đất. Chính cuộc sống cộng cư của những tầng lớp lưu dân ở Nam Bộ đã góp phần hình thành nên vùng đất với đa dạng văn hóa. Đứng trước những biến động khôn lường của lịch sử xã hội Việt Nam của thế kỷ XIX, người lưu dân vừa và phải khủng hoảng đời sống chính trị, vừa chịu ảnh hưởng tinh thần sâu sắc với cuộc sống lưu lạc, tha phương, mất niềm tin. Chính vì vậy, họ cần có niềm tin tôn giáo để vực dậy đời sống đang dần mất phương hướng, cho họ một chỗ dựa tinh thần để có thể tiếp tục thấp lên niềm tin sống. Đồng thời, Bửu Sơn Kỳ Hương là đạo mang tinh thần mới, có sự dung hợp tôn giáo, đơn giản hóa đạo Phật, cổ vũ công cuộc khẩn hoang, đề cao Tứ ân (ân tổ tiên, ân đất nước, ân

đồng bào và nhân loại) khiến cho người dân Nam Bộ dễ dàng tiếp nhận. Bản thân đạo này cũng dễ truyền bá, tiếp nhận, không bị xung đột với bất kỳ tôn giáo nào.

Lý Lan đã mang đạo Bửu Sơn Kỳ Hương vào trong sáng tác của mình, đem nhân vật của mình đến với thế giới tâm linh để vỗ về tinh thần họ, trao cho họ niềm tin vào một lẽ sống tốt đời đẹp đạo. Nhân vật Phật Thầy xuất hiện xuyên suốt tiểu thuyết, như một mắt xích móc nối tất cả các mối quan hệ của mọi nhân vật trong tiểu thuyết này. Ở những trang đầu, nhân vật bước ra từ nơi rừng núi hùng vĩ, hiểm trở, đồng hành cùng ông Hòa xuống núi. Từ đây, Phật Thầy bắt đầu thể hiện hiểu biết của mình về y học tại tiệm thuốc Phước Xuân Đường. Một con người kỳ lạ, ăn mặc kỳ quái nhưng kiến thức y học lại khiến người ta kinh ngạc. Đặc biệt, toát ra từ nhân vật này khiến mọi người đều yên tâm khi tiếp xúc và đặt niềm tin đó chính là ánh mắt hiền từ, phong thái điềm đạm, tĩnh lặng nhưng vô cùng đáng tin. Chị Hai - người đàn bà điên ở bến An Châu nhưng lần đầu gặp đã cảm nhận được sự bình yên qua ánh mắt của Phật Thầy “*Chị càng tin đó là Phật sống, vì ngay cả khi chị cầm tay người đó đưa lên ngực mình, chị nhận ra trong đôi mắt người đó sự thương yêu chứ không phải ham muốn*” [18].

Khác với quy định ăn chay của đạo Phật, Phật Thầy mang quan điểm “đơn giản hóa đạo Phật” của Bửu Sơn Kỳ Hương, ai cho gì ăn nấy, không bắt buộc ăn chay. Nơi ở của Phật Thầy cũng không cố định. Hành trình của nhân vật đó là đi đến nhiều nơi để có thể cứu người bệnh, để dẫn dắt, chỉ dạy con người “*Các thứ bệnh khác Phật Thầy chữa được thì khuyên người khỏi bệnh về nhà ăn lành ở hiền. Người bệnh không khỏi*

thì Phật Thầy cũng bảo ở hiền ăn lành, thân mình cũng như cây trái kiến giun, có sinh có hoại, ngay cả như thân Phật Thầy cũng vậy” [19]. Cách truyền tải giáo lý cũng không hề giáo điều, sách vở. Như khi đáp lại sự lo lắng của chị Hai trước việc chị cảm thấy rằng trên cồn hoang hình như có người lạ “Người ta đã không làm gì mình thì người ta có lẽ sẽ không làm gì mình. Mình đừng làm gì người ta, cứ đời ai nấy sống... Rồi lúc nào cơ duyên khiến họ, hay chúng ta, phải rời khỏi nơi này, thì đường ai nấy đi. Không biết nhau mà như biết nhau. Không ơn nhau mà như ơn nhau. Có duyên thì lại gặp lại, không gặp lại cũng không sao” [20]. Hoặc khi Phật Thầy nói với Vĩnh Xương lúc cả hai ở nhà ông Hòa “các vật trong lòng sông Cái có khi chìm khi nổi, có khi hợp khi tan, khi lui khi tới. Cái gì tấp vào tay ta thì ta nhận, cái gì trôi đi thì để nó trôi đi” [21]. Ta có thể cảm nhận thấy trong những lời răn dạy của Phật Thầy luôn là một phong thái điềm tĩnh, nhẹ nhàng, triết lý bên trong mang màu sắc của cả Phật giáo, Đạo giáo. Đây chính là điểm dung hòa các giáo của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương.

Ngôi làng Bửu Sơn Kỳ Hương lập ra nơi chân núi không chỉ phác họa từ đời sống thực về huyền thoại ngôi làng có các Phật sống cứu người của đạo Lành nơi núi Thất Sơn mà còn là mong ước của chính Lý Lan gửi gắm vào đó. Có lẽ, con người cần sự yên bình trong tâm hồn để trước mỗi giông bão, con người đều bình thản đón nhận và bình thản đi qua, hết như ngôi làng nhỏ yên bình nơi chân núi thơ. Qua văn hóa tâm linh, nhà văn Lý Lan đã khắc họa chủ thể văn hóa Nam Bộ trong mối quan hệ với chính mình, với bản thể của mình khi tìm đến cách chữa lành tinh thần bằng tôn giáo. Nhân vật Phật

Thầy là nhân vật được tạo ra để tất cả các nhân vật khác trong tiểu thuyết đều có cơ hội tiếp xúc với đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, đều cảm nhận được sức mạnh tinh thần mà đạo Lành đem lại.

2.2.3. Văn hóa đời sống xã hội Minh Tân

Trước sự đầu hàng của nhà Nguyễn, thực dân Pháp chính thức đặt nền văn hóa tư sản phương Tây, đặc biệt là văn hóa Pháp vào nước ta. Sự áp đặt văn hóa này lúc đầu là cưỡng chế nhưng với sự nhạy cảm với cái mới của con người Việt Nam, từ sự cưỡng chế đã chuyển dần sang vừa chống cự vừa tự nguyện tiếp nhận (Đỗ Minh Thúy và Nguyễn Hồng Sơn, 2010: 62). Với việc thực dân Pháp xâm lược, đem quân vào Nam Bộ để thiết lập cai trị vùng đất này, việc giao lưu với văn hóa phương Tây tại Nam Bộ là kết quả tất yếu của quá trình đặt ách đô hộ của thực dân Pháp. Tuy nhiên, sự giao lưu này mang tính chất hòa nhập chứ không hòa tan. Văn hóa bản địa vẫn tồn tại song song với văn hóa nước ngoài. Sự linh động trong tiếp nhận văn hóa, tiếp thu có chọn lọc của người dân nơi đây đã góp phần giữ cái hồn cốt văn hóa dân tộc và phát triển thêm sự đa dạng văn hóa từ nhiều nền văn hóa khác.

Văn hóa phương Tây đến nước ta, đem lại luồng văn hóa mới đầy khác lạ. Nhưng trong bối cảnh thực dân Pháp dùng văn hóa để đồng hóa dân ta trong việc cai trị, văn hóa phương Tây đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến con người. Nhằm thực hiện mưu đồ khai thác thuộc địa, thực dân Pháp đã làm cho diện mạo xã hội nước ta thời bấy giờ thay đổi vô cùng lớn. Nhưng các chính sách phát triển văn hóa của thực dân Pháp đều nhằm mục đích nô dịch dân tộc Việt Nam, tạo tay sai phục vụ lợi ích cho Pháp (Đỗ Minh Thúy và Nguyễn Hồng Sơn,

2010: 64). Đó là những con người sẵn sàng bán mình theo văn hóa phương Tây nhằm mục đích phục vụ cho mưu đồ xâm lược của thực dân Pháp. Thăng Minh - con chị bán khoai với anh Bình là một nhân vật như thế. Nó là thằng bé đáng thương, sinh ra mà thiếu sự có mặt của cha, thiếu tình thương từ cha. Đau đớn hơn, chị bán khoai mẹ nó lại là nạn nhân trong vụ ném bom vào nhà dân của giặc Pháp. Một thiếu niên mới lớn phải đem xác mẹ đi chôn, mất nhà cửa vì bom đạn kẻ thù, không người thân thích, nó bơ vơ lạc lõng giữa cuộc sống đầy khó khăn. Và rồi nó quan sát thấy một người đàn ông nói chuyện bằng thứ tiếng lạ (tiếng Pháp) với quan lính xâm lược và thoát nạn, nó hiểu rằng để tồn tại tiếp ở cuộc sống mà không còn nơi nương tựa này thì chỉ còn cách là học thuộc theo những tiếng lạ lắm kia và đi theo những tên lính của Pháp. Từ đó, nó có cơm ăn áo mặc, có tiếng nói hơn chứ không phải là “thằng con chị bán khoai” thấp kém như trước nữa. Cũng từ đó, nó trở thành tên tay sai thuộc chính quyền thực dân Pháp, chỉ điểm người dân, gây ra bao cảnh chết oan nghiệt cho người dân xứ mình. Hắn thành kẻ thù của nhân dân. Lối sống phương Tây cho hắn một cuộc sống mới đầy đủ hơn nhưng lại đưa hắn đến đứng bên kia chiến tuyến với nhân dân.

Tuy rằng thực dân Pháp sử dụng văn hóa của mình nhằm mục đích đồng hóa dân ta, xóa tan văn hóa bản địa nhưng con người Nam Bộ vẫn có sự tiếp thu có chọn lọc văn hóa ngoại, biết học hỏi những tinh hoa văn hóa nước ngoài hòa cùng văn hóa dân tộc để phục vụ cho đời sống của mình.

Tiến bộ văn hóa của Việt Nam lúc bấy giờ là chữ Quốc ngữ. Nó không chỉ là sản phẩm của sự tiếp biến văn hóa tiến bộ, mở

ra sự giao lưu văn hóa dễ dàng mà còn là linh hồn của dân tộc, bản sắc văn hóa dân tộc (Đỗ Minh Thúy và Nguyễn Hồng Sơn, 2010: 18). Và có thể nói Nam Bộ là nơi đầu tiên phổ biến chữ Quốc ngữ trên cả nước. Trước tình hình mới, những sĩ phu yêu nước không còn nhìn chữ Quốc ngữ gắn với sự xâm lược của thực dân Pháp nữa mà đã nhận thức được sự vượt trội của nó so với chữ Nôm. Cái mới của chữ Quốc ngữ là nó gắn liền với học thuật mới, văn minh tiến bộ của dân tộc (Đỗ Minh Thúy và Nguyễn Hồng Sơn, 2010: 89). Thầy Tịnh là người bạn quen biết trên đường của Huỳnh Vĩnh Xương, thầy dạy học của Hà Vĩnh Long. Qua lời tự kể của Tịnh, người đọc dễ dàng nhận thấy anh là một trí thức tiên bộ, giữ nếp văn hóa dân tộc, tiếp thu văn hóa phương Tây để phục vụ cho việc phát triển văn hóa nước nhà “*Tôi nghe vậy tự mình lãnh việc cho mình, đồng tai nghe được thơ ca tục ngữ gì hay đều chép lại để đó... Chữ nào tôi cũng ráng học rồi tìm cách dịch ra tiếng Nam, để khi về xứ mình có thể chỉ vẽ cho người mình cùng biết*” [22]. Tịnh tự nguyện gánh lấy trách nhiệm mình phải cố gắng tiếp thu cái văn minh hiện đại để dạy cho dân ta. Mở trường dạy chữ Quốc ngữ miễn phí để trong vài tháng mọi người đều có thể đọc được sách báo. Các nhà Duy tân đã “khai dân trí” bằng con đường ngắn nhất đó chính là “chấn hưng dân khí” (Đỗ Minh Thúy và Nguyễn Hồng Sơn, 2010: 69). Ý thức dân tộc cùng con người trách nhiệm với cộng đồng trong Tịnh đã thôi thúc anh làm công việc cao cả mà đầy gian nan này: hoàn thành cuốn tự điển tiếng Việt bằng chữ cái Latinh, dạy cho dân ta tiếng ta bằng chữ Latinh.

Cải cách giáo dục trong phong trào Minh Tân là cải cách học thức, học để

phụng sự tổ quốc, nhân dân chứ không phải để làm quan, làm kẻ sĩ. Học không theo lối tâm chương trích cú mà học để biết, học để làm, phải bắt đầu từ thực tiễn (Đỗ Minh Thúy và Nguyễn Hồng Sơn, 2010: 19). Điều này đã thôi thúc hành động đi du học nước ngoài của các nhân vật trí thức trong tiểu thuyết. Huỳnh Vĩnh Xương và Hà Vĩnh Long là hai chàng trai có xuất phát điểm khác nhau, nhưng họ đều hướng đến sự hấp thụ tinh hoa văn minh, văn hóa nước ngoài và quay về phát triển cơ nghiệp. Huỳnh Vĩnh Xương là cháu trai mang trách nhiệm gánh vác cơ nghiệp nhà họ Huỳnh, anh được nuôi dạy trong một gia đình người Hoa nề nếp, theo nghề bốc thuốc. Nhưng không chỉ gói gọn trong phạm vi hiểu biết của Đông y, ước muốn của anh đó là có thể du học để tiếp thu cả những tinh hoa y học phương Tây. Một thời gian dài du học, anh vẫn chọn quay về như ý định ban đầu thời trai trẻ anh đem theo khi ra đi: quay trở về phát triển Phước Xuân Đường của gia tộc. Chàng trai trẻ ấy khi ra đi là một chàng trai mang theo nỗi lo khi bỏ người thân ở lại nơi rời ren, lần đầu rời xa khỏi vòng tay đùm bọc của gia đình. Đến khi trở lại, anh đã là một người đàn ông trưởng thành, mang theo văn minh hiện đại phương Tây về tạo dựng lại cơ nghiệp, cứu giúp người dân khỏi bệnh tật, dựng lại Phước Xuân Đường lấy lòng của gia tộc. Còn Hà Vĩnh Long - con chị Hai với anh Bình cũng là một nhân vật được tiếp nhận tiến bộ văn hóa nước ngoài. Không ai nghĩ rằng thằng “Hà Bá Chừa” ngày nào, con của “người đàn bà điên ở bên An Châu” với anh Bình lại trở thành một người đàn ông tài giỏi, chín chắn, là người mang hy vọng của cả ngôi làng Bửu Sơn Kỳ Hương. Nó đi học chậm hơn các bạn cùng trang lứa

vì gia cảnh khốn khó, được đi học từ tình thương, từ nỗi vất vả chắt chiu từng con cá đem ra chợ bán của ông bà Tư. Nó là đứa trẻ siêng học và được thầy Tịnh rất tin tưởng, dạy cho chữ Quốc ngữ. Nghe theo lời khuyên của thầy Tịnh, nó đi du học trời Tây. Quay trở về, nó trở thành người đàn ông trưởng thành, chỗ dựa cho mẹ nó, trụ cột của một gia đình nhỏ, trở thành một Hà Vĩnh Long giỏi giang, học thức, mang văn minh phương Tây nhưng vẫn đậm chất văn hóa con người Nam Bộ.

Thế kỷ XIX - XX là giai đoạn lịch sử chứng kiến cuộc vận động văn hóa lớn của dân tộc. Cuộc vận động canh tân văn hóa này đã đem lại những ý nghĩa vô cùng to lớn. Thứ nhất, đây là lần đầu tiên trong lịch sử, đời sống tinh thần xã hội nước ta có sự hướng ra hội nhập với “thế giới ngoài Trung Hoa”. Thứ hai, dân ta đã ý thức được vai trò của văn hóa với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Thứ ba, cuộc vận động canh tân này đã đặt nền móng rất quan trọng cho sự phát triển của một nền giáo dục mới. Thứ tư, tầng lớp Nho học đã có sự thức thời, xuất thân khoa bảng nhưng quý trọng cái học thực nghiệm của phương Tây, dẫn đến việc xuất hiện những hình ảnh mới về những nhân cách văn hóa. Thứ năm, văn hóa dân tộc đã có sự giao lưu và tiếp biến, đặt văn hóa dân tộc trước những thời cơ và thách thức (Đỗ Minh Thúy và Nguyễn Hồng Sơn, 2010: 91-95).

Văn hóa nước ngoài ảnh hưởng tiêu cực hay tích cực đều tùy thuộc vào việc con người ta tiếp nhận nó như thế nào. Trước làn sóng văn hóa nước ngoài và tác động của các phong trào Minh Tân cả trong và ngoài nước, con người trở nên tốt hơn hay xấu đi đều tùy thuộc vào ý thức trách nhiệm với bản thân, với xã hội. Nam Bộ trong thời kỳ

Pháp thuộc là mảnh đất chịu ảnh hưởng lớn của văn hóa nước ngoài và tác động của phong trào Duy tân. Lý Lan đã tái hiện chân thật sự ảnh hưởng này trong tiểu thuyết của mình qua sự phát huy và đổi thay về biểu hiện văn hóa ở các chủ thể văn hóa Nam Bộ. Đây cũng chính là thời kỳ giao thoa văn hóa Đông - Tây mạnh mẽ của dân tộc, đưa văn hóa dân tộc vào vòng xoáy đổi thay theo biến động không ngừng của lịch sử.

3. Kết luận

Qua góc nhìn văn hóa, tiểu thuyết *Bừu Sơn Kỳ Hương* của Lý Lan đã thể hiện rõ một số nét văn hóa Nam Bộ. Đặc biệt, đặt trong bối cảnh của tiểu thuyết, Lý Lan đã tái hiện lại những nét văn hóa tiêu biểu của mảnh đất Nam Bộ về một thời đã đi qua, khắc họa lại một Nam Bộ của thế kỷ XIX với bao xoay vần, biến thiên của thời cuộc. Ở nơi đây, thời điểm ấy, nổi bật nhất là chủ thể văn hóa Nam Bộ - con người Nam Bộ với vẻ đẹp văn hóa ứng xử, văn hóa tâm linh mà đạo Bừu Sơn Kỳ Hương là một minh chứng rõ nét. Con người được đặt trong thế đối diện với chính bản thân, với đồng loại, với hoàn cảnh tự nhiên và xã hội đặc thù. Thế kỷ XIX còn là thế kỷ mà lần đầu tiên, văn hóa của một châu lục mới du nhập vào Việt Nam. Chủ thể văn hóa Nam Bộ với văn hóa bản địa của mình, đứng trước những thâm nhập của văn hóa ngoại, chao đảo có, vững vàng có. Tất cả đã làm nên một thời kỳ văn hóa thật đặc biệt trong lịch sử dân tộc.

Chú thích

- [1] Lý Lan (2022). *Bừu Sơn Kỳ Hương*. Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 22.
 [2] Sđd, 41, 42.
 [3] Sđd, 82, 83.
 [4] Sđd, 81.

- [5] Sđd, 226.
 [6] Sđd, 229.
 [7] Sđd, 100.
 [8] Sđd, 320.
 [9] [15] Sđd, 323.
 [10] Sđd, 9.
 [11] Sđd, 6.
 [12] Sđd, 189.
 [13] Sđd, 119.
 [14] Sđd, 23.
 [16] Sđd, 234.
 [17] Sđd, 235.
 [18] Sđd, 31.
 [19] Sđd, 321.
 [20] Sđd, 43.
 [21] Sđd, 124.
 [22] Sđd, 66.

Đạo đức công bố

Tác giả đảm bảo các chuẩn mực chung về đạo đức nghiên cứu và công bố khoa học.

Tài liệu tham khảo

- Đỗ Minh Thúy và Nguyễn Hồng Sơn (đồng chủ biên) (2010). *Phong trào Duy tân với sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XX*. Hà Nội, Nxb Từ điển Bách khoa và Viện Văn hóa.
 Lý Lan (2022). *Bừu Sơn Kỳ Hương*. Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
 Ngô Đức Thịnh (2009). *Bản sắc văn hóa vùng ở Việt Nam*. Hà Nội, Nxb Giáo dục Việt Nam.
 Trần Ngọc Thêm (chủ biên) (2014). *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Văn hóa - Nghệ thuật.
 Trần Nho Thìn (2017). *Phương pháp tiếp cận văn hóa trong nghiên cứu, giảng dạy văn học*. Hà Nội, Nxb Giáo dục Việt Nam.

